TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2019/DS-ST
Ngày: 05-3-2019
V/v tranh chấp tiền, vàng vay

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Trọng Quế
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trương Công Dịnh
2. Bà Lê Hồng Quí

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Bảo Trâm, là Thư ký Toà án nhân dân huyện Thới Bình

Trong ngày 05 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thới Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 203/2018/TLST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2018, về tranh chấp tiền, vàng vay

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐST-DS ngày 21 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1963 (có mặt)
Địa chỉ: Ấp Kinh M, xã Tân B, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau

2. Bị đơn: Bà Lê Thị N (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp Kinh N, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn T trình bày:*

Vào ngày 19/6/2017 âm lịch, bà Lê Thị N có hỏi vay của ông T 20 chỉ vàng 24k và 10 triệu đồng để có vốn làm ăn. Trong đó, có 10 chỉ vàng 24k và 10 triệu đồng, ông T không tính lãi. Còn lại 10 chỉ vàng 24k, ông T tính lãi với mức lãi suất 1.500.000 đồng/10 chỉ vàng 24k. Sau khi vay, bà N đóng lãi đầy đủ đến tháng 02/2018 thì ngưng không thanh T vốn và lãi cho ông T.

Nay ông T yêu cầu bà N thanh T 20 chỉ vàng 24k, 10 triệu đồng tiền vốn và 12 triệu đồng tiền lãi.

Tại phiên tòa hôm nay: Ông T xác định vào thời điểm vay, bà N có làm biên nhận nợ. Mặt khác, ông T rút lại phần yêu cầu tính lãi suất đối với 10 chỉ vàng vay, chỉ yêu cầu bà N thanh T khoản vốn vay đối với 20 chỉ vàng 24k và 10 triệu đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn là bà N được triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N.

[2] Tại phiên tòa, ông T xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về phần tính lãi suất vàng vay. Căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối với phần rút yêu cầu này của ông T.

[3] Vào thời điểm giao dịch, bà N có làm biên nhận nợ ông T 20 chỉ vàng 24k và 10 triệu đồng. Tuy nhiên, đến thời điểm trả nợ, bà N không thực hiện cam kết. Mặt khác, căn cứ vào biên bản giải quyết do Ủy ban nhân dân xã Tân Bằng, huyện Thới Bình giải quyết ngày 30/8/2018, bà N cũng thừa nhận số nợ như ông T yêu cầu. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, công nhận giao dịch vay tài sản giữa các đương sự là có thật và hợp pháp.

[4] Sau khi cam kết thanh toán nợ theo biên nhận nợ cũng như biên bản hòa giải do Ủy ban nhân dân xã Tân Bằng giải quyết, phía bà N không thanh toán được số vàng và tiền nào cho ông T là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ông T yêu cầu bà N thanh toán nợ là có cơ sở. Hội đồng xét xử chấp nhận buộc bà N có nghĩa vụ thanh toán cho ông T 20 chỉ vàng 24k và 10 triệu đồng vốn vay.

[5] Bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% tính trên tổng số vàng và tiền phải thanh toán (giá vàng được xác định vào thời điểm xét xử sơ thẩm là 3.640.000 đồng/chỉ vàng 24k).

[6] Phần ông T nộp tạm ứng án phí được nhận lại.

[7] Tại phiên tòa: Ông T có mặt, nên thời hạn kháng cáo tính kể từ ngày tuyên án. Bà N vắng mặt, nên thời hạn kháng cáo tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 147, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 466 của Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xét xử vắng mặt bà Lê Thị N.

2. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của ông Nguyễn Văn T về việc tính lãi suất đối với 10 chỉ vàng 24k vốn vay.

3. Buộc bà Lê Thị N có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Văn T 20 (hai mươi) chỉ vàng 24k vốn vay và 10.000.000 (mười triệu) đồng vốn vay.

4. Kể từ ngày ông T có đơn yêu cầu thi hành án. Trường hợp bà N không chịu thanh toán khoản tiền nói trên cho ông T, thì hàng tháng, bà N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

5. Bà N phải chịu 4.140.000 đồng (bốn triệu một trăm bốn mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%.

6. Trả lại cho ông T khoản tiền nộp tạm ứng án phí 2.321.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005815 ngày 06 tháng 12 năm 2018 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình phát hành.

7. Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKS nd huyện Thới Bình;
- Chi cục THA dân sự huyện Thới Bình;
- Phòng KTNV&THA TA nd tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Trọng Quế